Số: 174/QĐ-BQL
Thời gian ký: 2026-11-10T15:34:01+07:00

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP **Mẫu biểu số 47**
Chương: 505

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp
Mã số: 1019914
Mã KBNN nơi giao dịch: 0561

(Kèm theo Quyết định số: 174*/QĐ-BQL ngày 10 /11/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp)*

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	**1.391.000.000**
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	1.391.000.000
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Trong đó, trích nguồn CCTL (40%)	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**1.391.000.000**
3.1	***Lệ phí***	
3.2	***Phí***	1.391.000.000
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**25.988.050.000**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341)**	**10.889.050.000**
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	8.526.000.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	*168.000.000*
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.363.050.000
	Trong đó: Quỹ tiền thưởng 10% Quỹ lương (Mã tính chất nguồn 18)	363.000.000
	Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**86.000.000**
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	

STT	Nội dung	Tổng số
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	
2.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	86.000.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	
3	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**14.869.000.000**
3.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	
3.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	14.869.000.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	
	Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt	*14.869.000.000*
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 Khoản 278)**	**144.000.000**
4.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	*144.000.000*
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	
	Trong đó, nhiệm vụ chi dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương thực hiện	